TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 6 – 2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Phước C, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 135, Nguyễn Tất Thành, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh Huỳnh Phước C trình bày:*

Hôn nhân: Anh C và chị Nguyễn Thị Kim L kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nhã T, sinh ngày 14/4/2014. Từ tháng 4 năm 2021 Nhã T theo sống với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh C xác định không có.

- *Tại Bản tự khai ngày 14/6/2021 chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Hôn nhân: Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, đúng như anh C đã xác định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, không thể giải quyết và chung sống cùng nhau được nữa, anh chị cũng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay, nên anh C yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nhã T, sinh ngày 14/4/2014 hiện đang sống với anh C. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị L xác định không có.

Chị Nguyễn Thị Kim L có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vì lý do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Hôn nhân: Anh Huỳnh Phước C và chị Nguyễn Thị Kim L đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà mau nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp. Anh C yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý. Xét thấy, quá trình chung sống, anh C, chị L đã có mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện nay cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn.

[4] Con chung: Anh C, chị L xác định có một con tên Huỳnh Nhã T, sinh ngày 14/4/2014 hiện cháu đang sống với anh C. Theo quy định của pháp luật, cha mẹ có nghĩa vụ, quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Tuy nhiên xét thấy trong khoảng thời gian anh C và chị L sống riêng thì cháu Nhã T theo sống cùng anh C, bản thân cháu Nhã T cũng có nguyện vọng được tiếp tục theo sống cùng anh C. Do đó để không làm ảnh hưởng đến tinh thần của Nhã T, cũng như để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nhã T cho anh C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L có nghĩa vụ, quyền thăm nom con không ai được cản trở. Do anh C không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Tài sản chung: Anh C, chị L xác định tự thỏa thuận, không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Anh C, chị L xác định không có nên không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh C nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 36, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Huỳnh Phước C.

- Hôn nhân: Anh Huỳnh Phước C được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim L.

- Con chung: Giao cháu Huỳnh Nhã T, sinh ngày 14/4/2014 cho anh Huỳnh Phước C được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Kim L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Kim L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Anh C, chị L tự thỏa thuận nên không xem xét.

- Nợ chung: Anh C, chị L xác định không có nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng anh C phải nộp. Anh C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000990 vào ngày 29/4/2021 được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Kim L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. C;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. C;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, Tp. C
- Lưu VT, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Việt Trung